

LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

Chương I.**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về hoạt động của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; quy định về quản lý nhà nước đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoa học* là hệ thống tri thức được xây dựng trên cơ sở phương pháp luận có tính logic, khách quan, kiểm chứng được và có khả năng lặp lại, nhằm khám phá bản chất, quy luật của thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Công nghệ* là kết quả của quá trình nghiên cứu và ứng dụng tri thức khoa học nhằm tạo ra công cụ, vật liệu, kỹ thuật, quy trình phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. *Đổi mới sáng tạo* là quá trình tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình quản lý trên cơ sở đổi mới công nghệ, sáng tạo tri thức hoặc khởi nghiệp sáng tạo của cá nhân, nhóm hoặc doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế – xã hội và chất lượng cuộc sống.

4. *Nghiên cứu khoa học* là quá trình tìm tòi, khám phá được thực hiện theo phương pháp luận khoa học có tính logic, khách quan và kiểm chứng được, nhằm

làm sáng tỏ bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng hoặc đề xuất giải pháp cho các vấn đề thực tiễn.

5. *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm khám phá các nguyên lý nền tảng của hiện tượng tự nhiên, xã hội, được thực hiện mà không hướng đến một mục tiêu ứng dụng cụ thể trong ngắn hạn.

6. *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng tri thức khoa học để tạo ra giải pháp phục vụ nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội.

7. *Phát triển công nghệ* là quá trình vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học để tạo ra hoặc cải tiến công nghệ mới, phù hợp với điều kiện ứng dụng thực tiễn, nhằm hướng tới thương mại hóa và triển khai trong sản xuất, đời sống.

8. *Phát triển thử nghiệm* là quá trình hoàn thiện sản phẩm, công nghệ hoặc giải pháp mới sau giai đoạn nghiên cứu, nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trước khi tiến hành thử nghiệm thực tế.

9. *Kiểm thử thí điểm* là hoạt động triển khai thử nghiệm một sản phẩm, quy trình hoặc giải pháp trong điều kiện thực tế, trên quy mô hạn chế, nhằm đánh giá tính hiệu quả, khả năng tiếp nhận thị trường trước khi mở rộng quy mô.

10. *Sản xuất thử nghiệm* là việc sản xuất sản phẩm mới ở quy mô nhỏ trên dây chuyền gắn với sản xuất thương mại nhằm kiểm tra chất lượng, chi phí và khả năng thương mại hóa.

11. *Liên chính khoa học* là việc tuân thủ các nguyên tắc trung thực, minh bạch, trách nhiệm và công bằng trong việc đề xuất, thực hiện, công bố và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

12. *Đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu* là hệ thống các chuẩn mực ứng xử và nguyên tắc nghề nghiệp mà cá nhân và tổ chức phải tuân thủ trong quá trình thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhằm bảo đảm tôn trọng đối tượng nghiên cứu, trung thực trong học thuật, khách quan trong đánh giá và trách nhiệm với xã hội.

13. *Khởi nghiệp sáng tạo* là quá trình hình thành và phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo dựa trên công nghệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới, do cá nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, nhằm giải quyết các vấn đề thị trường hoặc xã hội.

14. *Hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo* là các chương trình, chính sách và dịch vụ cung cấp tài chính, tư vấn, đào tạo, kết nối mạng lưới và cơ sở hạ tầng nhằm hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

15. *Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo* là môi trường liên kết giữa các cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức hỗ trợ, có tính tương tác cao nhằm thúc đẩy sự hình thành, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

16. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

17. *Trung tâm nghiên cứu và phát triển* là tổ chức chuyên thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được đánh giá theo tiêu chí năng lực và hiệu quả hoạt động.

18. *Trung tâm đổi mới sáng tạo* là tổ chức thực hiện và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, được công nhận theo tiêu chí về năng lực và kết quả hoạt động.

19. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, có khả năng tăng trưởng nhanh, rủi ro cao và tạo ra giá trị đột phá về kinh tế hoặc xã hội.

20. *Dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là các hoạt động cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn, kiểm định, đo lường, tiêu chuẩn hóa, đào tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, truyền thông và phổ biến tri thức.

21. *Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia* là hệ thống số hóa phục vụ quản lý nhà nước, theo dõi tiến độ, đánh giá kết quả và hiệu quả triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc.

22. *Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là hạ tầng số phục vụ lưu trữ, chia sẻ, phổ biến, khai thác và sử dụng công khai kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân trong xã hội; bảo đảm kết nối với Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cung cấp dữ liệu đầu vào chính xác, thống nhất.

23. *Hệ thống đổi mới sáng tạo* là tổng thể các chủ thể và mối liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu, các tổ chức trung gian, nhà nước và người dân để thúc đẩy việc tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình quản lý nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế – xã hội và chất lượng cuộc sống.

Điều 4. Nguyên tắc và chính sách hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát

triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học, bảo đảm tính nhân văn, tôn trọng quyền con người và lợi ích chung của xã hội.

2. Nhà nước khuyến khích hình thành và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội, tạo điều kiện để mọi cá nhân, tổ chức có thể tiếp cận, sử dụng và khai thác công nghệ một cách hiệu quả, thúc đẩy tư duy cải tiến, sáng tạo và học tập suốt đời. Hệ thống đổi mới sáng tạo được xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong việc tạo ra và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh và công nghệ mới; cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu là chủ thể tri thức; người dân giữ vai trò quan trọng trong việc định hình nhu cầu và đồng kiến tạo giá trị đổi mới; Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, định hướng và bảo đảm điều kiện thuận lợi về thể chế, tài chính và môi trường thực thi.

3. Nhà nước ưu tiên phát triển toàn diện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia; triển khai cơ chế khuyến khích, ưu đãi phù hợp; tập trung đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu, hạ tầng công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên; áp dụng chính sách đãi ngộ đặc biệt để thu hút, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước.

4. Nhà nước khuyến khích sự tham gia rộng rãi của các thành phần trong xã hội vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ với giáo dục, đào tạo, sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác; đồng thời tạo điều kiện cho các hội khoa học kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định và triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

5. Nhà nước phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; thúc đẩy nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học; tập trung chuyển dịch hoạt động nghiên cứu cơ bản về các cơ sở giáo dục đại học, hỗ trợ các viện nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tiến tới làm chủ và sáng tạo công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam.

6. Nhà nước thúc đẩy phát triển và hoàn thiện thị trường khoa học và công nghệ, khuyến khích hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi để khu vực doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ hơn vào nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo.

7. Nhà nước khuyến khích tính tự chủ, tinh thần sáng tạo, dân chủ và quyền tự do nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm; đồng thời đề cao đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm cá nhân trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

8. Nhà nước phát triển hệ thống tiêu chuẩn hóa làm nền tảng thiết lập chuẩn mực về trình độ công nghệ, định hướng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ, làm cơ sở cho việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo.

9. Nhà nước chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tiếp thu có chọn lọc các thành tựu tiên tiến trên thế giới phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế sâu rộng nhằm nâng cao trình độ công nghệ, tăng cường năng lực nội sinh và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường khu vực và quốc tế.

Điều 5. Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam

Ngày 18 tháng 5 hằng năm là Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Cản trở, gây khó khăn hoặc can thiệp trái pháp luật vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân.

2. Lợi dụng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để:

a) Xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Truyền bá thông tin sai sự thật, xuyên tạc kết quả nghiên cứu khoa học;

c) Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, chiếm đoạt, sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu, sáng chế, thiết kế, phần mềm, giải pháp công nghệ của tổ chức, cá nhân khác;

3. Thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe cộng đồng.

4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào việc xác định nhiệm vụ, xét chọn, đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Điều 7. Liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan, tổ chức tài trợ, tổ chức chủ trì và các cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm bảo đảm tuân thủ

nguyên tắc liêm chính khoa học và thực hiện đầy đủ trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu. Các hành vi như ngụy tạo, xuyên tạc dữ liệu, đạo văn, gian lận tài chính, che giấu xung đột lợi ích hoặc các hành vi làm sai lệch bản chất nghiên cứu được coi là vi phạm nghiêm trọng liêm chính khoa học.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng, kiểm tra việc tuân thủ liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong toàn hệ thống.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có trách nhiệm xây dựng, ban hành và thực hiện quy tắc về liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp phù hợp với hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Cập nhật thông tin về các vi phạm liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp, khi cần thiết, trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến con người

1. Nghiên cứu trong lĩnh vực y tế, công nghệ sinh học và các công nghệ có liên quan trực tiếp đến con người phải tuân thủ các quy định của pháp luật về y tế, bao gồm yêu cầu của pháp luật về hội đồng đạo đức chuyên ngành.

2. Việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ liên quan tới các hệ thống tự động, trí tuệ nhân tạo có khả năng thay thế con người trong một số công việc phải bảo đảm nguyên tắc lấy con người làm trung tâm và được thiết kế để luôn đặt dưới sự giám sát, kiểm soát chủ động của con người.

Điều 9. Chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không bị truy cứu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định trong quá trình triển khai và không có hành vi gian lận, vi phạm pháp luật hoặc sử dụng sai mục tiêu, phạm vi kinh phí.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng đúng mục tiêu, phạm vi nếu đã thực hiện đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình và nội dung nghiên cứu, nhưng kết quả nghiên cứu không đạt mục tiêu hoặc sản phẩm không được thị trường chấp nhận.

3. Tổ chức, cá nhân phê duyệt và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của doanh nghiệp nhà nước được miễn trách nhiệm hành chính, dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy định, quy trình về quản lý nhiệm vụ và không có hành vi vi phạm pháp luật, nhưng kết quả nghiên cứu không đạt kỳ vọng hoặc sản phẩm không được thị trường chấp nhận.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này, bao gồm tiêu chí xác định rủi ro được chấp nhận, quy trình đánh giá việc tuân thủ và cơ chế bảo vệ người thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Điều 10. Trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc được hưởng ưu đãi, hỗ trợ, tài trợ từ Nhà nước có trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo qua nhiều hình thức phù hợp, bao gồm việc cập nhật thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phạm vi phổ biến, công bố tri thức, thông tin loại trừ các trường hợp nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc ảnh hưởng đến khả năng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khác ngoài đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này phổ biến, lan tỏa tri thức, công bố thông tin kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc theo các hình thức khác phù hợp quy định của pháp luật.

Chương II.

CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG CỤ CHUNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 11. Chiến lược, kế hoạch tổng thể phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chính phủ giao cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xây dựng kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch

tài chính quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn, trong đó xác định cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, làm cơ sở để bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hằng năm.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, thực hiện kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của mình; quản lý và sử dụng ngân sách hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; chịu trách nhiệm giải trình về hiệu quả thực hiện.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước xuất phát từ:

a) Đề xuất nhiệm vụ của tổ chức, doanh nghiệp theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Nhà nước để xem xét tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí;

b) Yêu cầu đặt hàng nhiệm vụ cụ thể của Nhà nước để Nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện.

2. Nhiệm vụ từ yêu cầu đặt hàng của Nhà nước được tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện. Việc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ chịu trách nhiệm quyết định trong các trường hợp sau:

a) Việc triển khai nhiệm vụ cần bảo đảm yêu cầu bí mật nhà nước;

b) Cần triển khai thực hiện gấp nhiệm vụ để phục vụ mục tiêu: bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng;

c) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ huy động được nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia thực hiện.

3. Các nhiệm vụ có thể được xét tài trợ, tuyển chọn, giao trực tiếp theo cụm nhiệm vụ hoặc chuỗi nhiệm vụ liên kết, gắn kết chặt chẽ theo lộ trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Các tổ chức chủ động xây dựng, xét chọn các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trong khuôn khổ kinh phí được giao hoặc từ các nguồn kinh phí tự chủ khác.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 13. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia

1. Chính phủ giao các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương xây dựng một số chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ hướng đến mục tiêu chiến lược trong từng giai đoạn cụ thể. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia bao gồm nhiều nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Chính phủ giao cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đầu mối thẩm định, giám sát chung và đánh giá kết quả, hiệu quả các Chương trình.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt; Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt

1. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt và Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt là các nhiệm vụ, chương trình có quy mô lớn do Thủ tướng Chính phủ quyết định nhằm thực hiện một trong các mục tiêu sau:

- a) Phục vụ phát triển công nghệ chiến lược;
- b) Tạo tác động mạnh đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa trong nước;
- c) Phục vụ quốc phòng, an ninh.

2. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt và Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt được áp dụng cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù theo quy định của Chính phủ

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Thống kê, đo lường, đánh giá kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động tổng thể của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm:

- a) Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- b) Đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của việc thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Đánh giá hiệu quả, tác động triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, Nhà nước chuyển trọng tâm từ việc kiểm soát đầu vào sang kiểm soát hiệu quả đầu ra thông qua việc tập trung đánh giá:

a) Mức độ hoàn thành mục tiêu khoa học, công nghệ hoặc sản phẩm đầu ra đã cam kết trong hợp đồng. Việc đánh giá mục tiêu hoàn thành có tính đến trường hợp kết quả không thành công nhưng có giá trị học thuật, dữ liệu nền hoặc cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo;

b) Tiến độ thực hiện so với kế hoạch, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ theo các mốc thời gian, báo cáo định kỳ và khả năng hoàn thành đúng hạn, cho phép điều chỉnh linh hoạt nếu có lý do chính đáng và được cơ quan quản lý chấp thuận;

c) Hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo so với kinh phí sử dụng thông qua việc xác định mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng, không chỉ về số lượng sản phẩm mà còn về giá trị khoa học, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo;

d) Tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội sau một khoảng thời gian nhất định kể từ thời điểm kết thúc nhiệm vụ.

3. Việc đánh giá được triển khai trên cơ sở:

a) Bộ tiêu chí đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả hoạt động và mức độ đóng góp của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế - xã hội, năng suất lao động, quốc phòng, an ninh;

b) Dữ liệu thống kê, báo cáo, tổng hợp, đặc biệt là thông tin, dữ liệu trên môi trường số thông qua Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Bảo đảm nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan, công khai, minh bạch và đúng pháp luật;

d) Tiêu chí riêng đối với chương trình, nhiệm vụ thuộc Danh mục bí mật nhà nước.

4. Kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh kế hoạch, nội dung, phương hướng triển khai, phương án phân bổ và bố trí ngân sách nhà nước cho bộ, ngành,

địa phương, tổ chức liên quan để thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án; sắp xếp tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập; điều chỉnh các chính sách ưu đãi về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Kinh phí thực hiện đánh giá được bố trí trong dự toán ngân sách cho hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

CHUYỂN ĐỔI SỐ, CƠ CHẾ ĐẶC BIỆT TRONG NGHIÊN CỨU, SÁNG KIẾN VÀ TẠP CHÍ KHOA HỌC

Điều 16. Chuyển đổi số trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc phát triển hạ tầng số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu và tự động hóa quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch.

2. Nhà nước khuyến khích ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả của các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc đổi mới lực lượng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành và duy trì Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia tập trung, thống nhất, kết nối các cơ quan, tổ chức trên môi trường mạng để ghi nhận và quản lý:

a) Quá trình hình thành, thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước (trừ trường hợp thuộc Danh mục bí mật nhà nước);

b) Việc đánh giá kết quả và hiệu quả triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Việc khai thác và sử dụng cơ sở vật chất dùng chung cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Nhà nước đầu tư xây dựng, vận hành và duy trì Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung, thống nhất, kết nối các cơ quan, tổ chức trên môi trường mạng để lưu trữ, chia sẻ, phổ biến công khai kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân trong xã hội khai thác và sử dụng; bảo đảm kết nối Hệ thống với Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia để cung cấp dữ liệu đầu vào chính xác, thống nhất.

5. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký và lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước trên Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, giải mã công nghệ

1. Trường hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ mục tiêu phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân được áp dụng cơ chế đặc biệt, bao gồm:

a) Sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác để thuê, trả lương chuyên gia trong và ngoài nước theo hình thức chỉ định, với mức kinh phí thỏa thuận theo nguyên tắc thị trường;

b) Sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ hoặc nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm, thiết bị nước ngoài để phục vụ phân tích, học hỏi, giải mã với giá thỏa thuận. Sản phẩm, thiết bị sau khi phân tích, giải mã được coi là vật tư tiêu hao và không tính trong giá trị tài sản của tổ chức, doanh nghiệp.

2. Việc áp dụng cơ chế đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trong phạm vi nhiệm vụ mà tổ chức, doanh nghiệp thực hiện để phục vụ mục tiêu phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược và phải bảo đảm nguyên tắc minh bạch, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ và sẵn sàng trách nhiệm giải trình.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và phổ biến tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước hỗ trợ tài chính cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức thông qua việc giao hoặc tài trợ các nhiệm vụ theo cơ chế phù hợp. Chính phủ quy định tiêu chí, hình thức, trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản này.

2. Kinh phí doanh nghiệp chi cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, truyền thông khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phổ biến tri thức được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và kế toán.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Tạp chí khoa học

1. Tạp chí khoa học là xuất bản phẩm định kỳ của tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ nhằm công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Các tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được hình thành một hay nhiều tạp chí khoa học; với mỗi tạp chí khoa học, thành lập hội đồng biên tập tạp chí khoa học bao gồm Chủ tịch hội đồng và các thành viên là các chuyên gia, nhà khoa học hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để xét chọn các bài viết đăng trên tạp chí.

3. Tạp chí khoa học phải được xuất bản thông qua một cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động tạp chí in hoặc tạp chí điện tử theo quy định của Luật Báo chí hoặc một cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản.

Mục 3

CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI CÔNG NGHỆ, QUY TRÌNH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI

Điều 20. Khung nguyên tắc để xác lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với quy trình, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới

1. Chính phủ thiết lập môi trường thử nghiệm có kiểm soát để triển khai công nghệ, quy trình, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong điều kiện thực tế, trong phạm vi giới hạn, trong một số lĩnh vực mà pháp luật liên quan chưa quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp.

2. Kết quả thử nghiệm là cơ sở để cơ quan nhà nước đánh giá rủi ro và đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật.

3. Môi trường thử nghiệm phải quy định rõ giới hạn về thời gian, không gian địa lý, quy mô, đối tượng tham gia và các điều kiện khác. Khi xác định giới hạn về thời gian triển khai cơ chế thử nghiệm, phải xác định rõ khung thời hạn thử nghiệm tối đa và quy định về nguyên tắc gia hạn thời gian bao gồm số lần gia hạn và thời gian gia hạn tối đa.

4. Quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phải xác định rõ khung quy định trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các bên liên quan, bao gồm: trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phê duyệt đề án thử nghiệm và trách nhiệm các đối tượng tự nguyện tham gia quá trình thử nghiệm (nếu có);

Điều 21. Nguyên tắc loại trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm

1. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thử nghiệm, tổ chức, cá nhân trực tiếp thẩm định, cấp phép, kiểm soát, đánh giá thử nghiệm được loại trừ các trách nhiệm

khi đã thực hiện đúng, đủ các quy định về thử nghiệm trừ trường hợp đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro đối với quá trình thử nghiệm nhưng không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra, cụ thể:

a) Không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thẩm định, cấp phép, kiểm soát, đánh giá thử nghiệm;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

2. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm được loại trừ các trách nhiệm khi đã thực hiện đúng, đủ các quy định về thử nghiệm trừ trường hợp trong quá trình thử nghiệm đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm và áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra, cụ thể:

a) Không phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước, nhưng phải chịu trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thử nghiệm;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính;

c) Không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ sau khi đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm dân sự theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Việc xem xét trách nhiệm của các đối tượng nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này gắn với nguyên tắc trong quá trình thử nghiệm, nếu chứng minh được thiệt hại, rủi ro xảy ra là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Điều 22. Bảo vệ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng trong quá trình thử nghiệm và sau khi kết thúc thử nghiệm, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có trách nhiệm:

1. Khuyến cáo rủi ro khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm trong thời

gian thử nghiệm; bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm.

2. Có cơ chế quản lý dữ liệu thử nghiệm; xây dựng và bảo đảm tuân thủ quy trình nội bộ, các biện pháp kiểm soát rủi ro của việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của người sử dụng.

3. Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro, khắc phục hậu quả trong quá trình và kết thúc thử nghiệm; kịp thời thông báo cho người sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ rủi ro của sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm.

4. Công bố đầu mối giải quyết khiếu nại của khách hàng. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép thử nghiệm có trách nhiệm tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng văn bản, qua tổng đài điện thoại, nền tảng trực tuyến hoặc thư điện tử của người sử dụng. Thời gian thực hiện giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại thực hiện theo phương án tại hồ sơ đề nghị thử nghiệm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thực hiện bồi thường thiệt hại và thực hiện các nghĩa vụ dân sự khác theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm trừ các trường hợp được loại trừ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật này.

6. Các trách nhiệm khác theo pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Điều 23. Hướng dẫn triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo từng loại hình công nghệ và lĩnh vực

Chính phủ quy định chi tiết đối với thử nghiệm có kiểm soát từng loại hình công nghệ, quy trình, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới theo cơ chế ủy quyền lập pháp, trong đó có thể quy định các vấn đề các luật hiện hành chưa quy định hoặc quy định khác các quy định trong các luật hiện hành. Các quy định này được ưu tiên áp dụng so với các quy định của pháp luật hiện hành trong thời gian thử nghiệm.

Mục 4

QUẢN LÝ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ, XỬ LÝ TÀI SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Điều 24. Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Trong trường hợp kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ hoặc được công nhận là sáng

kiến thì việc xác định tác giả của các đối tượng này được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc pháp luật về sáng kiến.

2. Tác giả của kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước là cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và có đóng góp thực chất, sáng tạo về mặt chuyên môn, kỹ thuật hoặc trí tuệ trong quá trình hình thành kết quả.

3. Chính phủ hướng dẫn chi tiết điều này.

Điều 25. Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước giao tự động quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu tài sản trang bị cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ ngay sau khi hình thành tài sản; không phải thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, giao quyền sở hữu; không phải bồi hoàn giá trị tài sản; không ghi tăng vốn đầu tư của nhà nước vào doanh nghiệp.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được quản lý, theo dõi riêng tài sản theo quy định của pháp luật tương ứng với loại hình hoạt động của tổ chức ngay khi hình thành tài sản; có trách nhiệm sử dụng hiệu quả tài sản để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đối với tài sản sau khi đã hoàn thành mục đích của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tổ chức chủ trì được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc:

a) Quản lý, sử dụng tài sản;

b) Xử lý tài sản trong trường hợp tài sản hư hỏng, lạc hậu, không còn nhu cầu sử dụng theo các hình thức bán, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản (nếu có).

Điều 26. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc kết quả thuộc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được Nhà nước tự động giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; không cần thực hiện thủ tục giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu và không phải bồi

hoàn chi phí cho Nhà nước.

Quy định tại khoản này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức chủ trì không phải là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

b) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo mà tổ chức chủ trì có yếu tố nước ngoài (tổ chức có pháp nhân nước ngoài, tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc phần góp vốn) hoặc tổ chức có trụ sở chính đặt ở nước ngoài;

c) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo do Nhà nước đặt hàng và khi đặt hàng nhiệm vụ đã nêu rõ yêu cầu Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng kết quả nhiệm vụ để phục vụ lợi ích của Nhà nước, phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

3. Đối với các kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước không thể tách rời với đất thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân thì Nhà nước giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả tự động và không bồi hoàn cho tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất.

4. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước thu hồi kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước để phổ biến rộng rãi phục vụ cộng đồng, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội. Trường hợp sau 03 năm kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức chủ trì không thực hiện triển khai ứng dụng kết quả nhiệm vụ mà có tổ chức khác có nhu cầu thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ thu hồi kết quả và giao cho tổ chức đó để tiếp tục phát triển, ứng dụng.

5. Tổ chức chủ trì thực hiện theo dõi riêng kết quả, không phải hạch toán chung vào tài sản, giá trị tài sản và vốn nhà nước tại tổ chức; không phải xác định nguyên giá, giá trị còn lại, khấu hao, hao mòn tài sản; tiếp tục đầu tư nghiên cứu, phát triển, triển khai ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Chính phủ.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp của doanh nghiệp nhà

nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đơn vị sự nghiệp công lập được tự chủ, tự quyết định lựa chọn hình thức, phương án và giá trong việc thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo các hình thức: cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng; kinh doanh dịch vụ; hợp tác, liên doanh, liên kết. Trường hợp có hoạt động góp vốn từ kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thì được tự quyết định: phương án góp vốn, xác định giá để góp vốn và tỷ lệ vốn góp, phân chia kết quả từ hoạt động từ hợp tác, liên doanh, liên kết.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ chịu trách nhiệm áp dụng các biện pháp để phòng, chống thất thoát, lãng phí và công khai minh bạch thông tin thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

3. Cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tổ chức chủ trì trong việc sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả, phòng ngừa xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 28. Phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ sử dụng lợi nhuận sau thuế thu được từ việc thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho các mục đích sau:

a) Thưởng cho tác giả kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tối thiểu 30% lợi nhuận thu được từ việc cho thuê, bán, chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng kết quả (trừ trường hợp để góp vốn, hợp tác, liên kết kinh doanh), tối thiểu 30% giá trị của kết quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xác định khi góp vốn, hợp tác, liên kết kinh doanh hoặc thành lập doanh nghiệp;

b) Thưởng cho cá nhân có đóng góp trực tiếp vào hoạt động tổ chức thương mại hóa theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 27;

c) Tái đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

d) Các hoạt động khác.

2. Trường hợp, kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo là sáng chế, thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp và giống cây trồng được bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, tác giả được hưởng các quyền lợi theo quy định tại khoản 1 Điều này và còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương III.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 29. Nghiên cứu khoa học

1. Chính sách của Nhà nước về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu cơ bản:

a) Nhà nước xác định nghiên cứu cơ bản là nền tảng của hệ thống khoa học, và công nghệ quốc gia, giữ vai trò dẫn đường cho phát triển tri thức, hỗ trợ cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao tiềm lực và vị thế khoa học quốc gia và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn;

b) Nhà nước phát triển nghiên cứu cơ bản theo định hướng có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt tập trung cho một số lĩnh vực khoa học có thể mạnh để đạt trình độ khu vực và quốc tế, hoặc các lĩnh vực công ích có tầm quan trọng chiến lược; thúc đẩy nghiên cứu cơ bản xuất phát từ nhu cầu hình thành từ quá trình triển khai nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ; tập trung cho nghiên cứu cơ bản tập trung tại các cơ sở giáo dục đại học;

c) Nhà nước phân bổ nguồn lực cho nghiên cứu cơ bản tại các cơ sở giáo dục đại học và một số viện nghiên cứu khoa học cơ bản, trong đó lấy cơ sở giáo dục đại học làm trung tâm, theo nguyên tắc dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút nhân tài, hợp tác quốc tế, đảm bảo kinh phí cho hoạt động nghiên cứu và các hoạt động hỗ trợ nâng cao tiềm lực khác. Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tập huấn, thực tập, trao đổi học thuật, tài trợ học bổng nghiên cứu, hỗ trợ tham gia hội nghị, công bố khoa học, phát triển tạp chí khoa học và các hoạt động liên quan khác

2. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động nghiên cứu ứng dụng:

a) Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Nhà nước tập trung đầu tư cho các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực có nhu cầu cấp thiết, tiềm năng phát triển và khả năng áp dụng vào sản xuất, đời sống;

c) Khuyến khích sự phối hợp giữa cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc đề xuất, triển khai và ứng dụng kết quả nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn.

3. Chính sách của Nhà nước đối với nghiên cứu trong lĩnh vực xã hội và nhân văn:

a) Nhà nước chú trọng phát triển nghiên cứu trong lĩnh vực xã hội và nhân văn, đặc biệt là nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghiên cứu bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, con người và xã hội Việt Nam; góp phần tạo nền tảng phát triển kinh tế, văn hóa, con người;

b) Nhà nước thúc đẩy kết nối khoa học xã hội, nhân văn với các lĩnh vực khác, khuyến khích nghiên cứu liên ngành nhằm giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, bảo đảm tính nhân văn, bản sắc và phát triển bền vững;

c) Căn cứ vào vai trò của lĩnh vực xã hội và nhân văn trong việc xây dựng thể chế, phát triển văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, Nhà nước đảm bảo bố trí ngân sách và cơ chế tài trợ phù hợp với đặc thù của lĩnh vực thông qua đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực và hoạt động nghiên cứu.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Phát triển công nghệ

1. Nhà nước xác định phát triển công nghệ là cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đóng vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa tri thức thành giá trị kinh tế – xã hội.

2. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ phát triển công nghệ từ kết quả nghiên cứu khoa học, sáng chế, sáng kiến, giải pháp hữu ích và các nguồn tri thức khác nhằm tạo ra, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ; nâng cao năng lực công nghệ nội sinh và khả năng ứng dụng trong sản xuất, đời sống.

3. Nhà nước ưu tiên hỗ trợ phát triển công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược và công nghệ có khả năng tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế – xã hội.

4. Nhà nước hỗ trợ nghiên cứu phát triển công nghệ thông qua:

- a) Tài trợ, đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển công nghệ;
- b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghiên cứu phát triển công nghệ, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Thúc đẩy hợp tác và chia sẻ trong nghiên cứu khoa học

Nhà nước khuyến khích chia sẻ dữ liệu, phương pháp, kết quả nghiên cứu khoa học một cách minh bạch, dễ tiếp cận và có thể tái sử dụng, đồng thời bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm. Nhà nước xây dựng hạ tầng, tiêu chuẩn kỹ thuật để chia sẻ dữ liệu và công bố khoa học, bảo đảm tính bảo mật,

khả năng tương tác và tái sử dụng. Doanh nghiệp và cộng đồng được khuyến khích tham gia sử dụng và đóng góp dữ liệu, kết quả nghiên cứu.

Điều 32. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải lập hạng mục chi cho ứng dụng, nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ để phục vụ xây dựng căn cứ trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Chương IV.

THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG DOANH NGHIỆP VÀ NỀN KINH TẾ

Điều 33. Thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm

1. Nhà nước thúc đẩy phát triển toàn diện hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm, bảo đảm sự kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ quan nhà nước thực hiện vai trò kiến tạo, định hướng, bảo đảm điều kiện về thể chế, tài chính và môi trường thực thi.

2. Hệ thống đổi mới sáng tạo được hình thành ở các cấp bao gồm: cấp quốc gia; cấp vùng; cấp địa phương; cấp ngành.

3. Nhà nước khuyến khích và thúc đẩy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo thông qua các biện pháp sau đây:

a) Tài trợ các nhiệm vụ tập trung vào triển khai hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

b) Tài trợ các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp;

c) Tài trợ các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và làm chủ công nghệ, đặc biệt là công nghệ có nguồn gốc từ nước ngoài;

d) Ban hành chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai, đấu thầu và tín dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa;

đ) Khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp đầu tư, tài trợ cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; Tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ;

e) Phát triển các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư xây dựng hạ tầng, cung cấp dịch vụ và thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực mới và có rủi ro cao.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và tăng cường trang thiết bị trong doanh nghiệp

1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động này.

2. Chi phí trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, cũng như chi phí mua sắm hoặc thuê trang thiết bị phục vụ các hoạt động này, được tính vào chi phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 35. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ chiến lược

1. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ, đầu tư, hợp tác và giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp Việt Nam để phát triển công nghệ chiến lược thông qua:

a) Hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm dùng chung để phát triển công nghệ chiến lược;

b) Đặt hàng, giao nhiệm vụ cùng với hỗ trợ kinh phí một phần cho doanh nghiệp triển khai các dự án phát triển công nghệ chiến lược;

c) Cùng đầu tư với doanh nghiệp theo hình thức hợp tác công tư vào các dự án phát triển công nghệ chiến lược.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 36. Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

Nhà nước thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thông qua các chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy và lan tỏa nhận thức, xây dựng, phổ biến khuôn mẫu hành vi, tổ chức sự kiện, trình diễn, giải thưởng về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 37. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, phát triển, giải mã, chuyển giao, tiếp thu, làm chủ công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, và có khả năng tạo doanh thu từ các hoạt động này.

2. Ngoài các ưu đãi chung, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được ưu tiên hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai; ưu tiên thuê đất, cơ sở hạ tầng tại khu

công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; được ưu tiên sử dụng trang thiết bị nghiên cứu, phát triển tại các phòng thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 38. Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương

1. Chính phủ thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia nhằm hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng cao. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước và được quyền nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương cho khởi nghiệp sáng tạo, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và hệ sinh thái khởi nghiệp của địa phương. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách địa phương và được quyền nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ đầu tư mạo hiểm hoạt động theo nguyên tắc chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trong đó tổng mức tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư không vượt quá ngưỡng rủi ro đã được xác lập trong chiến lược đầu tư hoặc kế hoạch đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngưỡng rủi ro được xác định trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư hoặc trong một chu kỳ đầu tư xác định. Quỹ không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn đối với từng dự án, nhiệm vụ cụ thể.

4. Việc đầu tư có thể thực hiện phối hợp với các nhà đầu tư tư nhân và tổ chức tài chính. Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành quỹ đầu tư mạo hiểm được miễn trừ trách nhiệm dân sự và hành chính liên quan đến tổn thất đầu tư, nếu tổn thất phát sinh do rủi ro khách quan và họ đã tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đầu tư, quy định nội bộ của quỹ, và nghĩa vụ minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, cơ cấu tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng vốn và cơ chế giám sát đối với các quỹ đầu tư mạo hiểm nêu tại Điều này.

Điều 39. Sàn giao dịch vốn cho khởi nghiệp sáng tạo

1. Chính phủ thành lập Sàn giao dịch vốn cho khởi nghiệp sáng tạo quốc gia dưới hình thức nền tảng số, đầu tư hạ tầng và thuê đơn vị chuyên nghiệp quản trị, vận hành tổ chức và quản lý nhằm niêm yết và kết nối cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo với nhà đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Sàn hoạt động dựa trên các nguyên tắc minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia, theo cơ chế riêng phù hợp với đặc thù rủi ro cao và tiềm năng tăng trưởng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Doanh nghiệp, cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo được niêm yết trên sàn giao dịch vốn khởi nghiệp sáng tạo cho được xem xét giao dịch vốn trên sàn giao dịch chứng khoán theo tiêu chí và cơ chế thẩm định riêng phù hợp với đặc thù của khởi nghiệp sáng tạo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương V

XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

TỔ CHỨC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 40. Phát triển hệ thống tổ chức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhà nước thúc đẩy phát triển các tổ chức về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, không phân biệt công lập hay ngoài công lập, bao gồm: Tổ chức khoa học và công nghệ; Trung tâm nghiên cứu và phát triển; Cơ sở giáo dục đại học; Bệnh viện; Doanh nghiệp và các tổ chức khác thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; Tổ chức hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 41. Tổ chức khoa học và công nghệ

1. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ điều kiện:

a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Có nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động;

c) Đối với tổ chức có vốn nước ngoài, có mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu phát triển của Việt Nam và được cho phép đặt trụ sở làm việc tại Việt Nam.

2. Cá nhân được thành lập, góp vốn thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực theo quy định.

3. Tổ chức được thành lập đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ sau khi tiến hành đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện được thành lập theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học, pháp luật về y tế, trong chức năng nhiệm vụ quy định bởi cấp có thẩm quyền có chức năng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Tổ chức khoa học và công nghệ có các quyền sau:

a) Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phạm vi được cấp giấy chứng nhận; được phép đăng ký kinh doanh; được hoạt động trong các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện và chi nhánh ở nước ngoài có phạm vi hoạt động phù hợp với lĩnh vực đã đăng ký tại Việt Nam theo quy định pháp luật;

c) Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ, góp vốn bằng tiền, tài sản, quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật;

d) Chuyển đổi thành doanh nghiệp theo quy định pháp luật;

đ) Là đối tượng ưu tiên hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập, thuế nhập khẩu;

e). Được hỗ trợ sử dụng hạ tầng khoa học và công nghệ được đầu tư từ ngân sách nhà nước.

6. Tổ chức khoa học và công nghệ có nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Bảo đảm duy trì đáp ứng các điều kiện của tổ chức khoa học và công nghệ trong suốt quá trình hoạt động;

c) Thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Thực hiện trách nhiệm phổ biến tri thức, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

đ) Cập nhật thông tin tình hình, kết quả hoạt động hằng năm trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

7. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ và quy định chi tiết Điều này.

Điều 42. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoặc ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm như sau:

1. Kiểm tra, giám sát để đảm bảo tổ chức khoa học và công nghệ tuân thủ đầy đủ các điều kiện thành lập và hoạt động theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ làm cơ sở xác định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước, điều chỉnh, đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động.

3. Chịu trách nhiệm thực hiện việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ do mình thành lập sau khi xử lý các khoản nợ.

Điều 43. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập là tổ chức khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý.

2. Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập, giao quyền tự chủ ở mức độ cao, bao gồm: chủ động tổ chức bộ máy, sử dụng nguồn tài chính, quyết định số lượng người làm việc, tuyển dụng và quản lý viên chức, người lao động, chủ động trong hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập không phải là cơ sở giáo dục đại học được có nhân sự đồng cơ hữu với các cơ sở giáo dục đại học. Nhân sự đồng cơ hữu được trả lương theo tỉ lệ thời gian làm việc tại từng tổ chức.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thành lập, hoặc tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được cử viên chức tham gia điều hành doanh nghiệp, làm việc định kỳ tại doanh nghiệp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 44. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nhưng được áp dụng cơ chế đặc

thù riêng về tài chính, tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự theo quy định của Chính phủ.

2. Tổ chức khoa học và công lập đặc thù quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập trên cơ sở văn bản hợp tác với các tổ chức quốc tế, các quốc gia để trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực Việt Nam ưu tiên đầu tư.

b) Các trung tâm, các viện nghiên cứu xuất sắc được thành lập để tập hợp các chuyên gia, các nhà khoa học trong nước, nhà khoa học là người Việt Nam sống ở nước ngoài và nhà khoa học nước ngoài đến làm việc kiêm nhiệm hoặc biệt phái.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 45. Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

1. Tổ chức được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo khi đáp ứng các điều kiện và tiến hành đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo theo cấp độ: Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; Trung tâm đổi mới sáng tạo.

3. Công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo cấp độ: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh; Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 46. Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: tổ chức khoa học và công nghệ công lập trừ cơ sở giáo dục đại học và bệnh viện, trung tâm đổi mới sáng tạo công lập, tổ chức khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập để cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Mục 2

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC, NHÂN TÀI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 47. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: cá nhân quản lý, trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 48. Chức danh khoa học, chức danh công nghệ

1. Chức danh khoa học, chức danh công nghệ là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học được xét công nhận và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học.

3. Người có học vị tiến sĩ hoặc có công trình xuất sắc, giải thưởng cao về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 49. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tự do sáng tạo, bình đẳng trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

2. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác giao nhiệm vụ, trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc phù hợp.

3. Được tham gia tư vấn, đề xuất ý kiến về chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Hợp tác với tổ chức, cá nhân khác để hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ký kết hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Được các thư viện, tổ chức thông tin khoa học và công nghệ công lập tạo điều kiện tiếp cận thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thực hiện nhiệm vụ.

6. Tham gia tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hội, hiệp hội khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Viên chức trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập được góp vốn, quản lý, điều hành doanh nghiệp do tổ chức thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức; được định kỳ cử sang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp trong thời gian nhất định để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực, nắm bắt nhu cầu công nghệ, đồng thời được giữ nguyên chế độ lương, quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng. Nếu là người đứng đầu tổ chức công lập, phải có sự đồng ý của cấp trên trực tiếp.

8. Được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ quy định tại Luật này.

9. Được khen thưởng, hưởng quyền ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tuân thủ các quy định về đạo đức, liêm chính trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Thực hiện trách nhiệm truyền thông, phổ biến tri thức, kết quả, thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho cộng đồng.

3. Không tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có xung đột lợi ích với tổ chức nơi làm việc chính thức.

4. Không cung cấp, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ trái với quy định của tổ chức nơi làm việc chính thức, thỏa thuận với tổ chức đầu tư, tài trợ.

Điều 51. Thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

1. Nhà nước có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cụ thể như sau:

a) Nhà nước có chính sách giao trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là nhiệm vụ phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược cho các tổ chức, doanh nghiệp thu hút được nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tham gia thực hiện;

b) Nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được nhận diện cơ bản dựa trên năng lực đột phá và khả năng thực tiễn, được xác định thông qua các thông tin bao gồm: Sở hữu bằng sáng chế, giải pháp hữu ích được công nhận trong nước hoặc quốc tế; Đạt được các giải thưởng khoa học, công nghệ uy tín trong nước hoặc quốc tế; Có vai trò dẫn dắt, tham gia các dự án khởi nghiệp sáng tạo thành công; Có giải pháp công nghệ, sản phẩm, mô hình hoặc

dịch vụ mới đột phá đã được ứng dụng trong thực tiễn; Giải pháp, sản phẩm hoặc dịch vụ mang lại giá trị kinh tế, xã hội hoặc môi trường rõ rệt, được kiểm chứng và công nhận; Đã tham gia hoặc đóng góp vào các dự án trọng điểm quốc gia hoặc quốc tế; Có công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín hàng đầu thế giới hoặc trong các hội nghị quốc tế chuyên ngành;

c) Ngoài các chính sách ưu đãi quy định tại Điều 52, Nhà nước có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các ưu đãi tài chính, ưu đãi phi tài chính và ưu đãi về điều kiện làm việc. Nhà nước tạo cơ hội phát triển sự nghiệp lâu dài, thu hút nhân tài từ nước ngoài và bảo đảm an sinh xã hội cho nhân tài và gia đình;

d) Nhà nước thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, nhân tài về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên phạm vi cả nước, kết hợp với xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, tạo cơ hội nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Nhà nước có chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;

b) Trong thời gian làm việc tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật này và được hưởng ưu đãi về thu nhập, điều kiện làm việc, về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài có cống hiến lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam được Nhà nước Việt Nam vinh danh, khen thưởng, tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này trong đó có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhân tài.

Điều 52. Ưu đãi đối với cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; được ưu tiên trong bổ nhiệm, tuyển dụng, xếp vị trí việc làm, thu nhập, thuế thu nhập cá nhân, lao động, nhà ở, xuất nhập cảnh, cư trú và cấp giấy phép lao động.

2. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ đặc biệt được hưởng thêm các ưu đãi:

- a) Hưởng lương, phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận; được bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ;
- b) Điều động nhân lực, kinh phí, nguồn lực bảo đảm thực hiện nhiệm vụ;
- c) Thuê chuyên gia trong và ngoài nước; tự quyết việc mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ trong phạm vi kinh phí được giao.

3. Nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, học viên thạc sĩ nghiên cứu được xét chọn cấp học bổng nghiên cứu, nhiệm vụ tài trợ nghiên cứu từ ngân sách nhà nước.

4. Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng được ưu tiên hỗ trợ nâng cao trình độ ở nước ngoài, chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, và giao kinh phí hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực chuyên môn.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 53. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phong, tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng và các hình thức khen thưởng khác theo quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được đặt và tặng giải thưởng nhằm khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân được nhận danh hiệu, giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình và nhu cầu động viên, khen thưởng trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình, đề xét, tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tập thể, cá nhân có kết quả nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo xuất sắc.

Điều 54. Công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

1. Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ, nhà đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo được công nhận để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 55. Viên chức tham gia góp vốn, làm việc, quản lý, điều hành tại doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu

1. Viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, làm việc tại doanh nghiệp do tổ chức đó thành lập hoặc tham gia thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu do tổ chức đó tạo ra khi được sự đồng ý của người đứng đầu tổ chức.

2. Trường hợp viên chức quản lý là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập thì phải được sự đồng ý của cấp trên quản lý trực tiếp.

Mục 3

HẠ TẦNG CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 56. Xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, duy trì và vận hành cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung phát triển các thư viện, trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, đặc biệt là các hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược.

2. Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dùng chung trong một số lĩnh vực để phục vụ đào tạo, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

3. Tổ chức quản lý các cơ sở vật chất tại khoản 2 có trách nhiệm:

- a) Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sử dụng chung;
- b) Công khai danh mục thiết bị, tư liệu và tổ chức sử dụng trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia;
- c) Công khai chi phí liên quan, báo cáo định kỳ về hiệu quả sử dụng.

4. Tổ chức quản lý các cơ sở vật chất tại khoản 2 có thể thu phí dịch vụ dựa trên chi phí thực tế, bao gồm bảo trì, sửa chữa, vận hành và khấu hao, theo định mức kinh tế - kỹ thuật được công bố công khai.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 57. Cụm, khu nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tập trung

Nhà nước khuyến khích phát triển các cụm, khu nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo tập trung bao gồm: các khu công nghệ cao, công viên khoa học, cụm đổi mới sáng tạo nhằm tập trung các tổ chức liên kết hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, sản xuất, kinh doanh.

Điều 58. Hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

1. Nhà nước đầu tư xây dựng, phát triển, tham gia khai thác hạ tầng, hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo ở trong nước và tại nước ngoài để kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia với quốc tế.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 59. Xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư hạ tầng thông tin, nguồn tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia và Hệ thống thông tin quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 15 để phục vụ nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Nhà nước đầu tư, hỗ trợ tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thu thập, xử lý, quản lý và phổ biến thông tin, tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu mở phục vụ cộng đồng.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tài trợ và tham gia các hoạt động được quy định Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Mục 4

TÀI CHÍNH CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 60. Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung bình ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước trong mỗi giai đoạn 5 năm, tăng dần theo yêu cầu phát triển, trong đó chú trọng dành chi ngân sách cho phát triển công nghệ chiến lược.

2. Việc phân bổ ngân sách chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại trung ương và địa phương phải gắn với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm và hằng năm, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và công nghệ ưu tiên.

3. Ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được sử dụng có trọng tâm, trọng điểm căn cứ theo kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, gắn với đề cao trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan địa phương.

4. Nhà nước có chính sách chú trọng đến việc sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ một phần, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trực tiếp tác động đến phát triển kinh tế - xã hội.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 61. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Ngân sách Nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng cho:

- a) Chi đầu tư phát triển, duy trì tiềm lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- b) Chi cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm chi hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới, phát triển công nghệ, triển khai đổi mới sáng tạo, chi đầu tư khởi nghiệp sáng tạo;
- c) Chi cho các nhiệm vụ hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo;
- d) Chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- đ) Chi quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- e) Chi cấp vốn điều lệ cho các quỹ đầu tư mạo hiểm;
- g) Các nội dung chi khác.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 62. Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Lập dự toán:

a) Lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm dự toán chi đầu tư phát triển, dự toán chi thường xuyên sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo tổng mức cơ cấu và tỷ lệ phân bổ do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đề xuất.

b) Dự toán ngân sách hằng năm phải căn cứ kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương, được lập phù hợp với nội dung chi quy định tại khoản 1 Điều 61;

c) Dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các Quỹ phát triển khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương gồm dự toán kinh phí cho nhiệm vụ chuyển tiếp và dự toán kinh phí cho nhiệm vụ mở mới trên cơ sở số nhiệm vụ dự kiến và kinh phí trung bình theo năm của các nhiệm vụ trong các năm trước, tăng thêm khi có thay đổi các chính sách, chế độ có liên quan và điều chỉnh do lạm phát, giảm phát;

2. Phân bổ ngân sách:

Việc phân bổ ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phân bổ bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Kế hoạch tổng thể khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm quốc gia và các chương trình trọng điểm được phê duyệt;

b) Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược quốc gia có tính dẫn dắt và tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội;

c) Bảo đảm phân bổ ngân sách nhà nước minh bạch, công khai, có cạnh tranh và dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ hoặc dự án;

d) Gắn phân bổ ngân sách nhà nước với năng lực thực hiện và khả năng vận hành bền vững của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo;

đ) Ưu tiên các dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có tính chất liên ngành, khả năng phối hợp công - tư và khả năng thương mại hóa, lan tỏa công nghệ;

e) Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mang tính chất hỗ trợ, kích hoạt; không thay thế hoàn toàn nguồn lực từ xã hội và các tổ chức sử dụng ngân sách.

g) Ưu tiên phân bổ kinh phí để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương, cấp bằng lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi của quỹ tại Kho bạc nhà nước;

h) Phần kinh phí không phân bổ qua các quỹ được phân bổ và giao dự toán về đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

3. Quản lý và sử dụng ngân sách:

a) Ngân sách phải được sử dụng hiệu quả, đảm bảo tiến độ giải ngân và chịu sự thanh tra, kiểm tra, đánh giá thường xuyên;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm

quản lý, sử dụng ngân sách, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện, kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trên Nền tảng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; lưu trữ đầy đủ chứng từ và giải trình khi cơ quan chức năng yêu cầu;

c) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án đổi mới sáng tạo được chi theo ủy nhiệm chi của tổ chức chủ trì và quyết toán sau khi hoàn thành hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính;

d) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần theo nội dung nghiên cứu. Tổ chức chủ trì được tự chủ sử dụng kinh phí khoán, trừ kinh phí chi mua tài sản trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ, thuê dịch vụ thuê ngoài chưa có tiêu chuẩn, định mức và đoàn đi công tác nước ngoài; được quyền điều chỉnh các nội dung chi trong cùng loại hình chi và sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo thỏa thuận; chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, lưu trữ chứng từ và giải trình khi được yêu cầu.

Kinh phí chi cho công lao động phải nhập vào nguồn thu của tổ chức chủ trì để trả cho cá nhân trực tiếp tham gia nhiệm vụ, hỗ trợ nhiệm vụ và những nội dung thuê khoán chuyên môn khác.

4. Quyết toán ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các khoản nợ phải thu từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đã kết thúc, nếu không có khả năng thu hồi, sẽ được khoanh nợ mà không trừ vào dự toán ngân sách năm sau của đơn vị dự toán ngân sách.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 63. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia là quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo nguyên lý thúc đẩy phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và tri thức.

3. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là quỹ được hình thành từ nguồn kinh phí được cấp hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho việc triển khai các dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm việc hỗ trợ cho doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ theo nguyên lý thị trường tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

và nền kinh tế. Phương thức hỗ trợ ngân sách nhà nước từ Quỹ này được thực hiện thông qua việc hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh cho vay, tài trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án.

4. Cơ quan quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, triển khai tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí, kiểm tra, đánh giá để bảo đảm việc sử dụng kinh phí của các tổ chức chủ trì đúng mục đích, yêu cầu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 64. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tùy theo tình hình thực tế thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tài trợ, hỗ trợ, cấp kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. Nguồn kinh phí của quỹ được hình thành từ kinh phí cấp ban đầu, kinh phí cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước, các khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Quỹ phải được định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao các đơn vị hiện có để thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ, có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị quản lý quỹ bảo đảm việc giải ngân và sử dụng ngân sách nhà nước đã cấp đúng tiến độ và có hiệu quả.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Điều 65. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp được phép trích tối đa 5% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Ngoài nguồn vốn và tài sản của doanh nghiệp, Quỹ được nhận khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

2. Doanh nghiệp được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để mua sản phẩm của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; thực hiện mua bán, sáp nhập, đầu tư hoặc cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Doanh nghiệp nhà nước sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện đầu tư, mua, sáp nhập, cùng đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, quản lý rủi ro tài chính và phòng ngừa xung đột lợi ích, trên cơ sở quy chế nội bộ được phê duyệt;

b) Việc đầu tư phải được đánh giá về rủi ro công nghệ, thị trường và tài chính thông qua quy trình thẩm định độc lập nội bộ hoặc thuê tổ chức chuyên môn có đủ năng lực thực hiện theo quy định;

c) Tổng mức đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo không vượt quá ngưỡng rủi ro đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư của Quỹ, được xác định trên cơ sở tổng thể danh mục đầu tư hoặc trong một chu kỳ đầu tư xác định;

d) Có cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả đầu tư, kịp thời xử lý rủi ro, tổn thất nếu có phát sinh;

đ) Việc sử dụng Quỹ phải báo cáo định kỳ cho cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, được kiểm toán độc lập và chịu sự giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 66. Chính sách hỗ trợ tín dụng đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tổ chức vay vốn để đầu tư vào hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ưu tiên xem xét hỗ trợ lãi suất từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Điều 67. Cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước

1. Ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước:

a) Nhà nước ưu tiên mua sắm sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nước trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược nếu có chất lượng tương đương nhập ngoại và giá cao hơn không quá 20% so với sản phẩm nhập ngoại xét trong cùng lần đấu thầu;

b) Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và tính hiệu quả kinh tế được đưa vào danh mục ưu tiên đấu thầu mua sắm công;

c) Nhà nước ưu tiên thử nghiệm, thí điểm sử dụng sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa có

sản phẩm thay thế trong nước hoặc có tiềm năng phát triển trước khi triển khai mua sắm quy mô lớn.

2. Hỗ trợ kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm:

a) Nhà nước hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao để thực hiện thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm trước khi đưa vào danh mục mua sắm công;

b) Doanh nghiệp có công nghệ, sản phẩm công nghệ mới được xem xét tài trợ toàn bộ chi phí kiểm định, chứng nhận tiêu chuẩn kỹ thuật từ ngân sách nhà nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 68. Kinh phí của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo

1. Chi phí của doanh nghiệp cho việc trực tiếp thực hiện, thuê, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo ngoài Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được tính vào chi phí để trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI

HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 69. Nguyên tắc hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tích cực, chủ động hội nhập trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi; tham gia giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ toàn cầu.

2. Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác, đầu tư với nước ngoài; bảo đảm ngân sách, cơ chế tài chính phù hợp để tham gia các hoạt động hội nhập.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chuẩn mực quốc tế và gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, tận dụng nguồn lực quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là đối với công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

Điều 70. Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tham gia xây dựng, định hình các cơ chế hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khu vực và quốc tế.
2. Tham gia các tổ chức, hiệp hội khu vực và quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
3. Tham gia với các tổ chức nước ngoài, quốc tế trong việc thành lập tổ chức, triển khai hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chung.
4. Thu hút, thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài.
5. Tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài.
6. Phát triển mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài.

Điều 71. Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước tài trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác song phương, đa phương, chuyển giao công nghệ.
2. Kinh phí tài trợ, đặt hàng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo trong các hoạt động hợp tác quốc tế được sử dụng theo quy định của tổ chức cấp kinh phí, đồng thời bảo đảm không vi phạm pháp luật Việt Nam.
3. Nhà nước đóng góp vào quỹ nghiên cứu chung với các quốc gia, tổ chức quốc tế theo hiệp định, thỏa thuận đã ký kết.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VII

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 72. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước; chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách cụ thể để bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
2. Phân cấp, phân quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
3. Quy định chi tiết đối với thử nghiệm có kiểm soát từng loại hình sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới theo cơ chế ủy quyền lập pháp.

4. Hằng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện chính sách, biện pháp để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 73. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 Luật Công nghệ cao như sau:

“Điều 6a. Công nghệ chiến lược

1. *Công nghệ chiến lược* là tập hợp các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, công nghệ số và các công nghệ khác theo quy định của pháp luật, có khả năng tạo đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng vai trò nền tảng tạo ra các ngành mới và có tầm quan trọng chiến lược đối với an ninh quốc gia.

2. Sản phẩm công nghệ chiến lược được hình thành từ công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng và tỷ lệ nội địa hóa cao, đóng vai trò then chốt trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. *Hoạt động công nghệ chiến lược* là hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số hoạt động đặc thù khác để tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ chiến lược.

4. *Doanh nghiệp công nghệ chiến lược* là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược, cung ứng dịch vụ công nghệ chiến lược, có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.

5. Doanh nghiệp công nghệ chiến lược, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động công nghệ chiến lược được chứng nhận và hưởng chính sách ưu đãi theo các quy định của pháp luật về công nghệ cao, công nghệ số và một số ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt khác.

6. Nhà nước bảo đảm dành một tỉ lệ ngân sách nhà nước thích đáng để chi cho nghiên cứu công nghệ chiến lược.

7. Thủ tướng Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”

Điều 75. Điều 76. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 38. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia như sau:

“Điều 38. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.”.

2. Bổ sung Điều 21a sau Điều 21 Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

“Điều 21a. Thẩm định, chuyển giao công nghệ trong trường hợp đặc thù

1. Thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù

a) Dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại Điều 13 Luật này, cần thiết thẩm định công nghệ nhằm thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ, cấp giấy phép bảo vệ môi trường hoặc các nhu cầu khác phục vụ hoạt động theo quy định pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định công nghệ do mình nghiên cứu tạo ra hoặc công nghệ do mình đầu tư nhằm ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh.

2. Trong gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế để thực hiện dự án quan trọng quốc gia, hồ sơ mời thầu phải có điều kiện cam kết của tổng thầu, nhà thầu nước ngoài về việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Việc chuyển giao công nghệ thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Căn cứ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định một số lĩnh vực dự án đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư phải chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật Chuyển giao công nghệ như sau:

“Điều 39. Chính sách ưu đãi để thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ

1. Những đối tượng sau đây được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế:

a) Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, vật mẫu, công nghệ trong nước chưa tạo ra được nhập khẩu để sử dụng trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giải mã, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo; tài liệu, sách báo khoa học phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ có thu nhập từ hoạt động cung ứng dịch vụ chuyển giao công nghệ;

c) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp;

d) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

2. Ưu đãi đối với nhà đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam

a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dự án sử dụng công nghệ chiến lược có thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

b) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư dự án sử dụng công nghệ khuyến khích chuyển giao có thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 20 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

3. Ưu đãi cho doanh nghiệp Việt Nam nhận chuyển giao công nghệ

a) Doanh nghiệp Việt Nam thực hiện dự án đầu tư nhận chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 20 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

b) Doanh nghiệp Việt Nam có dự án đầu tư nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao được giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian 15 năm tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

Điều 76. Bổ sung khoản 17, 18, 19 sau khoản 16 Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân như sau:

“Điều 4. Thu nhập được miễn thuế

17. Các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.

18. Các khoản thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

19. Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia công nghệ làm việc cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm là các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân.”.

Điều 77. Sửa đổi bổ sung Luật Đất đai như sau:

Bổ sung điểm m khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai như sau:

“m) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê để xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học nếu đáp ứng được các điều kiện liên quan (nếu có) bao gồm: Đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm, đất xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng dùng chung để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo”.

Điều 78. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

1. Bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 10 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam như sau:

“6. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt, nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ chiến lược và đào tạo nguồn nhân lực đề nghị cấp thị thực không phải có giấy tờ chứng minh mục đích nhập cảnh.

7. Cá nhân là công dân nước ngoài làm việc cho trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh tại Việt Nam được cấp thị thực trong thời hạn tối đa 02 năm, có thể gia hạn theo quy định của pháp luật khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Nhận được cam kết làm việc của trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh tại Việt Nam;

b) Không có tiền án, tiền sự và có hộ chiếu còn hiệu lực ít nhất 2 năm tại thời điểm nộp hồ sơ;

c) Chứng minh đủ nguồn tài chính để tự chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian lưu trú tại Việt Nam.

8. Cá nhân là công dân nước ngoài, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hỗ trợ, đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam được cấp thị thực trong thời hạn tối đa 02 năm, có thể gia hạn theo quy định của pháp luật khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Đã thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Có dự án khởi nghiệp sáng tạo, hoặc công nghệ, tài sản trí tuệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới;

c) Nhận được cam kết đầu tư từ nhà đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo;

d) Không có tiền án, tiền sự và có hộ chiếu còn hiệu lực ít nhất 2 năm tại thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Chứng minh đủ nguồn tài chính để tự chi trả chi phí sinh hoạt và vận hành doanh nghiệp trong thời gian lưu trú tại Việt Nam.”.

Điều 79. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 Điều 3 như sau:

“16. Cơ quan tạp chí khoa học là cơ quan báo chí đề xuất bản các tạp chí khoa học nhằm công bố kết quả nghiên cứu khoa học, thông tin về hoạt động khoa học chuyên ngành.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Luật giáo dục đại học; tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ; bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên được thành lập cơ quan tạp chí khoa học. ”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

“1. Cơ quan báo chí hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp có thu.

Cơ quan tạp chí khoa học hoạt động phù hợp với loại hình của cơ quan chủ quản.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 23 như sau:

“c) Có thể nhà báo còn hiệu lực. Người đứng đầu cơ quan báo chí thuộc

các tổ chức tôn giáo, cơ quan tạp chí khoa học không áp dụng tiêu chuẩn này; ”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 27 như sau:

“c) Đối với trường hợp cấp thẻ lần đầu, phải có thời gian công tác liên tục tại cơ quan báo chí đề nghị cấp thẻ từ 02 năm trở lên tính đến thời Điểm xét cấp thẻ, trừ tổng biên tập của cơ quan tạp chí khoa học và những trường hợp khác theo quy định của pháp luật;”

Điều 80. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 của Điều 86 như sau:

“b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 135 của Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

“ 1. Chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả theo thỏa thuận; trường hợp không có thỏa thuận thì mức thù lao trả cho tác giả quy định như sau:

a) Trường hợp chủ sở hữu tự mình sử dụng đối tượng này trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, 10% lợi nhuận trước thuế thu được tương ứng với giá trị mà sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đóng góp vào sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đó;

b) Trường hợp chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng này, 15% tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán từ việc chuyển giao trước khi nộp thuế theo quy định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 164 của Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

“b. Tổ chức, cá nhân đầu tư cho tác giả chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng dưới hình thức giao việc, thuê việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 191 của Luật Sở hữu trí tuệ như sau:

“a) 10% lợi nhuận trước thuế mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng thu được do tự mình sử dụng giống cây trồng được bảo hộ để sản xuất, kinh doanh giống cây trồng đó;.”

5. Bãi bỏ Điều 86a, khoản 1, 2 Điều 133a, khoản 2 Điều 135, Điều 136a, khoản 6 Điều 139, khoản 3, 4 Điều 164, khoản 2 Điều 191, Điều 191a, khoản 1, 2 Điều 191b, khoản 4 Điều 194 của Luật Sở hữu trí tuệ”

Điều 81. Áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Trường hợp Luật này có quy định khác với các luật, nghị quyết khác của Quốc hội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thì áp dụng quy định của Luật này.

2. Trường hợp luật hoặc nghị quyết của Quốc hội được ban hành sau khi Luật này có hiệu lực và có nội dung khác biệt liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thì luật hoặc nghị quyết đó phải quy định rõ về việc áp dụng pháp luật; trường hợp chưa có quy định cụ thể nhưng cần thiết cho sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 82. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định xử lý tài sản hình thành từ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

3. Các đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ nộp cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 mà chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

Đối với tổ chức đã thành lập và đăng ký hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thì trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực có trách nhiệm rà soát các quy định tại Luật này, nếu chưa đáp ứng thì phải tự hoàn thiện theo các điều kiện quy định tại Luật này.

4. Đối với tổ chức khoa học và công nghệ thành lập mới mà hồ sơ thành lập chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì phải hoàn thiện hồ sơ và tuân theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.

5. Quy định về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định tại Điều 28 của Luật này cũng được áp dụng đối với lợi nhuận chưa được phân chia từ việc thương mại hóa sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các nhiệm vụ được giao từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến trước ngày Luật này

có hiệu lực được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ.

6. Trường hợp các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chưa phù hợp với Luật này, gây khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 01 năm.

Trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo thời hạn quy định tại khoản này, để bảo đảm giải quyết các khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giao Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trường hợp liên quan đến luật, nghị quyết của Quốc hội thì báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Điều 83. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng ... năm ...
2. Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, Điều 3 đến Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn